

CÁC NHÀ KHOA BẢNG THÁI BÌNH VỚI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC CUỐI THẾ KỶ XVIII ĐẦU THẾ KỶ XIX

VŨ THỊ NGA

Tóm tắt

Không chỉ nổi danh với những thành tựu to lớn trong lĩnh vực kinh tế, Thái Bình còn được nhắc đến khá nhiều trong sử sách bởi những đóng góp của mình vào sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc qua các thời kỳ lịch sử.

Trong thời kỳ cận đại, nhiều nhà khoa bảng Thái Bình đã có những đóng góp đáng kể trong việc thống nhất đất nước, xác lập bộ máy nhà nước có tính chuyên chế cao, từ trung ương xuống tới các địa phương và đấu tranh chống Thực dân Pháp..., mà tiêu biểu phải kể đến Cử nhân Doãn Uẩn, Tiến sĩ Phạm Thế Hiển, Hoàng giáp Nguyễn Quang Bích, Tiến sĩ Doãn Khuê, Phó bảng Phạm Thế Húc... Họ xứng đáng là những tấm gương sáng cho hậu thế noi theo.

Qua 1000 năm lịch sử, đến triều Nguyễn, với rất nhiều biến cố của lịch sử, giáo dục Nho học đã bị giảm sút đáng kể. Trong xu hướng chung đó, thời kỳ này giáo dục Nho học biểu hiện rõ nét nhất là số lượng các nhà khoa bảng tỉnh Thái Bình đồ đạt không nhiều so với thời kỳ trước. Tuy nhiên, đây vẫn là con đường chính khẳng định tài đức của những bậc hiền Nho, giúp họ có thể ra làm quan góp phần khẳng định con đường công danh sự nghiệp đồng thời góp sức mình cho đất nước. Họ không chỉ là những viên quan thanh liêm mà họ còn là những lãnh tụ xuất sắc, lãnh đạo các cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Qua một quá trình lâu dài mở mang bờ cõi và sự chia cắt đất nước do các cuộc chiến tranh phong kiến, đến triều Nguyễn, lãnh thổ nước ta được thống nhất từ ái Nam Quan tới mũi Cà Mau đồng thời nhất thể các đơn vị hành chính, xác lập được bộ máy nhà nước có tính chuyên chế cao từ trung ương xuống địa phương. Để duy trì và giữ vững thành quả đó triều Nguyễn phải có một đội ngũ quan lại trung thành và thực sự có tài. Trong số đó phải kể đến những nhà khoa bảng của tỉnh Thái Bình.

Quá trình mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam, đã có những bước tiến đáng kể, khi cuối thế kỷ XVIII một phần lãnh thổ Chân Lạp được sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong của các chúa Nguyễn. Tuy nhiên những năm 30, 40 của thế kỷ XIX, do mất quyền bảo hộ Chân Lạp nên quân Xiêm luôn đối đầu với nhà Nguyễn, thường xuyên thực hiện các cuộc gây rối trên lãnh thổ nước ta. Đến năm 1847, tình hình bên giới Tây Nam và mâu thuẫn giữa triều đình Nguyễn với Xiêm và Chân Lạp cơ bản được giải quyết. Kết quả này là do triều đình Huế có những tướng lĩnh trí dũng và mưu lược để thực hiện chiến lược quân sự cứng rắn và ngoại giao mềm dẻo đối với các nước ở vùng biên giới phía Nam. Trong số đó phải kể tới một nhà khoa bảng Thái Bình, đó là Cử nhân Doãn Uẩn.

Doãn Uẩn (húy là Doãn Ôn, tự là Nhuận Phủ, Ôn Phủ, sau này, khi làm quan có nhiều công trạng, ông được vua Minh Mệnh đổi tên thành Doãn Uẩn), quê quán xã Song Lăng - huyện Vũ Thư - tỉnh Thái Bình. Ông đỗ Cử nhân hạng ưu năm 1828. Từ tháng 10 năm 1833, khi giữ chức Án sát Vĩnh Long (Án sát tức là viên quan đứng đầu về công việc bộ Hình ở địa phương), ông đã chỉ huy đẩy lùi được quân Xiêm ra khỏi biên giới các tỉnh An Giang, Hà Tiên. Trong thời gian này, vua Chân Lạp do thất thủ trước quân Xiêm nên chạy sang nước ta và trú ngụ ở Vĩnh Long. Trước tình hình đó vua Minh Mệnh đã ra chỉ dụ giao cho Doãn Uẩn và tham gia thực hiện chính sách "Hòa hợp bộ lạc, củng cố bờ cõi lâu dài".

Sách Đại Nam thực lục chép về sự kiện này như sau: "Trước hãy lấy của công chi ra 3000 quan tiền, 500 phương gạo trắng và phát một đạo sắc thư....; rồi sửa soạn binh thuyền hộ tống quốc vương Chân Lạp về nước... khiến được ơn nhờ uy đức triều đình, hòa hợp bộ lạc, củng cố bờ cõi lâu dài"(1, tr.31). Sau khi dẹp yên trấn Tây, tháng 7-1834 tình hình xã hội của tỉnh Thái Nguyên bất ổn, triều đình liền "Đổi bổ Lang trung biện lý bộ Hình là Doãn Uẩn làm Án sát Thái Nguyên" (2, tr.270) để giải quyết tình hình trên. Năm 1842, ở biên giới phía Tây Nam bùng nổ cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa triều đình Huế và Xiêm đối với Chân Lạp, Doãn Uẩn được sung làm Bang biện trấn Tây. Ông đã cùng với Hiệp tánn Cao Hữu Dục dẹp yên sự quấy rối của quân Xiêm. Năm 1845, sau khi Doãn Uẩn được triều đình đổi bổ làm tuần phủ An Giang, biên giới phía Tây Nam luôn bị quân Xiêm quấy nhiễu. Trong hơn một năm Doãn Uẩn đã cùng Nguyễn Tri Phương cầm quân dẹp yên Trấn Tây thu được những thắng lợi vang dội. Sách Đại Nam thực lục chép: Tháng 6- 1845, "Doãn Uẩn đã đánh thắng trận Sách Sô dẹp yên quân Man nên được thưởng gia quân công một cấp và một đồng kim tiền "tứ mỹ" có dây rủ xuống" (3, tr.1041-1042).

Tháng 7- 1845, "Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn đem ngay quân đặc thắng ấy, chia đường tiến đánh Thiết Thằng", "Doãn Uẩn tự đem 1000 quân đi trước đánh dẹp" (4, tr.974).

Tháng 8- 1845, Doãn Uẩn đã diệt đồn Thiết Thằng, "đánh bại Lạp Man ở ngoài thành Ô Đông", khiến cho đầu mục nước Xiêm là Chất Tri ước hoà ở hội quán" (5, tr.973).

Công lao của ông được triều Nguyễn ghi nhận: "...tham tán đại thân Doãn Uẩn ...một trận đánh ở sông Tiền Giang, phá luôn đất Thiết Thằng, bình định ngay được thành Trấn Tây, vây sát đến thành Ô Đông; Xiêm và Chân Lạp đều sợ hãi, đầu mục giặc phải vâng lời hòa ước, tù trưởng Miên phải đầu hàng. Liền phái Lê Văn Phú tổng thống việc đánh dẹp, thương biện với các quan đại thân, một lòng một đức, võ vè, yên ủi, không phải đánh mà khuất phục được người. Man di thần phục, đến cửa quan dâng lễ cống, phụng tờ biểu đến sân vua. Rất là có công đặc biệt, đáng lên ban thưởng" (6, tr.787). "Doãn Uẩn: nhiều lần những trận đánh ở Thông Bình, Sách Sô, trước lập được công đầu, cho đến đánh Thiết Thằng, định Trấn Tây, tiến đến Vĩnh Long, sát đến Ô Đông đều bày mưu chước lạ, nắm phần thắng sắc cho một cái bài vàng có khắc chữ: "An Tây mưu lược tướng" (7, tr.748).

Với những công lao đó, tháng 7 năm 1847, khi vua Thiệu Trị đúc 9 cỗ thần công, Doãn Uẩn được khắc tên vào cỗ thứ nhất, mang tên *Thần uy phục viễn (có oai thiêng phục được phương xa) đại tướng quân*. Trên cỗ súng ghi công lao của Doãn Uẩn có bài minh như sau: “*Dân mong vua đến, chính là lúc nên cất quân, trở sức mạnh để đánh trước. Ba lần thắng trận, được công đầu, mưu lược của văn thần, ần công to sớm, đem uy trời để vỗ yên dân, phục phương xa, khắc công vào bảo vật, truyền ức muôn năm rất trọng. Sắc cho An Tây mưu lược tướng, Tuy Tình tử Doãn Uẩn*” (8, tr.743).

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, các nước tư bản chủ nghĩa ráo riết thực hiện các cuộc chiến tranh xâm lược các nước Á, Phi, Mĩ la tinh. Trong bối cảnh đó, Việt Nam trở thành đối tượng xâm lược của các nước tư bản phương Tây, tiêu biểu là Pháp. Ngày 1-9-1858, liên quân Pháp-Tây Ban Nha nổ súng đánh chiếm bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), chính thức xâm lược nước ta. Trước họa xâm lăng, nhân dân cả nước trong đó có các nhà khoa bảng của Thái Bình đã có mặt trên nhiều vùng của đất nước để cùng triều đình và nhân dân đứng lên kháng chiến chống Pháp. Tiêu biểu là là "ông Nghè Luyến Khuýt"- Tiến sĩ Phạm Thế Hiển.

Phạm Thế Hiển (1803–1861) quê ở làng Luyến Khuýt, huyện Đông Quan - tỉnh Nam Định (nay là xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình). Đỗ Cử nhân năm Mậu Tý (1828), năm sau (Kỷ Sửu -1829) ông đỗ Tam giáp Đồng tiến sĩ.

Trong quá trình làm quan, ông nổi tiếng cương trực, được vua Tự Đức tin dùng và lần lượt giữ chức Tham tri bộ Binh, bộ Hình... Sau khi đảm trách rất nhiều chức quan quan trọng trong triều, năm 1854, Phạm Thế Hiển được triều đình giao giữ chức Tổng đốc Gia Định –Biên Hoà kiêm Tham biện kinh lược Nam Kỳ.

Tháng 9 – 1858, Pháp – Tây Ban Nha đánh Đà Nẵng, mở đầu cho công cuộc xâm lược nước ta. Phạm Thế Hiển, đã được cử sang giữ chức vụ Tham tán Đại thần Quân thứ Quảng Nam (trông coi việc biên phòng tỉnh Quảng Nam), được Tự Đức cử làm Phó tướng cho Nguyễn Tri Phương. Để kháng chiến lâu dài với quân Pháp, tháng 12-1858 “*Nguyễn Tri Phương và Phạm thế Hiển đắp đồn Liên Trì*” (9, tr.585) đắp lũy từ bãi biển đến xã Phú Ninh. Trong hơn một năm diễn ra chiến sự ở Quảng Nam, Phạm Thế Hiển cùng Nguyễn Tri Phương tổ chức 60 trận đánh lớn nhỏ. Vì vậy, mặc dù quân của triều đình bị liên quân Pháp- Tây Ban Nha đánh phá ác liệt nhưng trước sự chỉ huy của Phạm Thế Hiển và sự chiến đấu ngoan cường của quân đội triều đình, liên quân Pháp – Tây Ban Nha không thể tiến quân sâu vào trong đất liền và buộc phải chuyển hướng tấn công vào Gia Định.

Lo sợ thực dân Pháp tập trung quân đánh Gia Định và các tỉnh Nam kỳ, Phạm Thế Hiển là một trong những dũng tướng được vua Tự Đức hỏi về kế sách đánh giặc. Sách “Đại Nam thực lục” ghi: Vua “*mật hỏi Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển việc đối phó với Tây dương ở Gia Định, chiến, hoà, giữ, kế nào tiện hơn và phương lược sử trí thế nào. Bọn Nguyễn Tri Phương đều nói đánh và giữ là tiện hơn và tâu bày việc sử trí khẩn yếu*”(10, tr.667). Sau khi Pháp đánh chiếm thành Gia Định, Phạm Thế Hiển được triều đình cử giữ chức vụ Quân thứ Gia Định, cùng vào Nam với Tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương xây dựng Đại đồn Chí Hòa nhằm bao vây và bức rút quân Pháp như chiến

thuật đã được vận dụng tại Đà Nẵng. Tuy nhiên, cuối năm Tân Dậu 1861, sau thời gian chuẩn bị kỹ càng, quân Pháp tấn công mãnh liệt đại đồn. Đại đồn Chí Hòa chỉ giữ được hơn một ngày thì bị thất thủ. Nguyễn Tri Phương phải lui quân về trấn giữ Biên Hòa. Phạm Thế Hiển thì bị trọng thương và mất sau đó không lâu.

Khi Phạm Thế Hiển mất, các văn thân tỉnh Phú Yên có câu đối viếng, hiện còn lưu tại nhà thờ ông:

“Đà Nẵng trạch, Hải Vân nam, vũ bất tính tử, văn bất ái tiên, thiên hạ thái bình tương hữu nhất.

Ngoại Lãng tiên, Luyến Khuyết hậu, thân năng thân trung, tử năng tử hiếu, anh hùng khí khái lâm như sinh”

(Dịch: Trấn cửa biển Đà Nẵng, nam Hải Vân, (cụ) làm quan võ thì không sợ chết, làm quan văn thì không tham của, lòng chỉ mong mỗi thiên hạ thái bình.

Trước thì có gương (Bình tây nguyên soái Doãn Uẩn) Ngoại Lãng (Vũ thư) sau là (Phạm Thế Hiển) ở Luyến Khuyết, làm tôi thì trung, làm con thì hiếu, khí khái anh hùng, chết vẫn còn lâm liệt như sống vậy) (11, tr.652- 653).

Ngày nay, ghi nhớ công đức của Phạm Thế Hiển nhân dân làng Luyến Khuyết lập đền thờ phụng ông.

Sau khi đánh chiếm đóng các tỉnh Nam kỳ, thực dân Pháp kéo quân ra Bắc đánh kỳ, rất nhiều nhà khoa bảng Thái Bình đã cùng nhân dân đứng lên chống Pháp. Vũ Đường là một trong những Cử nhân của Thái Bình lúc đó làm Bó chánh Hà Nội cùng các văn thân chia nhau chiến đấu ngoan cường giữ thành khi Pháp chiếm Hà Nội lần thứ nhất (1873). Thành Hà Nội thất thủ, ông bị bắt và bị giặc giết.

Năm 1882, Pháp đánh chiếm Bắc kỳ lần hai, nhiều nhà khoa bảng của tỉnh Thái Bình được vua giao trọng trách trấn giữ các tỉnh như: Cử nhân Lương Quy Chính (quê ở Hồng Việt, Đông Hưng) đang làm tuần phủ Gia Viễn (Ninh Bình) về giữ chức Án sát Bắc Ninh cùng các tỉnh thần Bắc Ninh lo trấn giữ của ngõ phía Bắc Hà Nội, Phạm Huy Quỹ phụ trách củng cố thành Hải Dương, Nguyễn Mậu Kiến (quê làng Động Trung nay là xã Vũ Trung), huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) được triều đình “giao cho sơn phòng Hưng Hóa”.

Sau khi đánh chiếm thành Hà Nội, thực dân Pháp mở rộng xâm lược các tỉnh Bắc kỳ. Một lần nữa Pháp gặp phải sự chống trả quyết liệt của quân lính triều đình dưới sự lãnh đạo của các nhà khoa bảng, một trong số đó là Hoàng giáp Nguyễn Quang Bích.

Nguyễn Quang Bích quê làng Trình Nhất, xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Năm 1861, ông đỗ cử nhân và được bổ làm Giáo thụ phủ Trường Khánh, tỉnh Ninh Bình. Năm Kỷ Ty (1869), thời Tự Đức